TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 64/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quận 4, ngày 28 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397, 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông BTD, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 128/4 B, Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà NTHU, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 128/53 B, Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/02/2020, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông BTD và bà NTHU thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01.2011 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 4 cấp ngày 13/01/2011).

[2] Về con chung: Ông BTD và bà NTHU xác nhận có 02 con chung tên là BHUA, sinh ngày 26/11/2011 và BDK, sinh ngày 11/11/2014. Các đương sự thỏa thuận: Giao cháu BHUA cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, và giao cháu BDK cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông D phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 dương lịch hàng tháng cho đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi với số tiền là 12.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ ngày 15/3/2020. Bà U không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông BTD và bà NTHU tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông BTD tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông BTD và bà NTHU thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01.2011 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 4 cấp ngày 13/01/2011).

- Về con chung: Ông BTD và bà NTHU xác nhận có 02 con chung tên là BHUA, sinh ngày 26/11/2011 và BDK, sinh ngày 11/11/2014. Các đương sự thỏa thuận: Giao cháu BHUA cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, và giao cháu BDK cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông D phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 dương lịch hàng tháng cho đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi với số tiền là 12.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ ngày 15/3/2020. Bà U không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông BTD và bà NTHU có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông BTD và bà NTHU tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông BTD tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0024892 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Ông D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- UBND Phường X, Quận 4;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Bình